



ENSTO

Ensto Surge Arresters

Chống sét Ensto

Genuine Ensto surge arrester identification guide

Hướng dẫn nhận diện sản phẩm chống sét Ensto chính hãng

Better life.
With electricity.

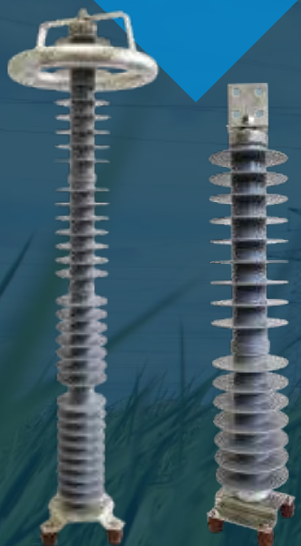
Phân phối bởi/Distributed by:
www.chongsetdongnam.com



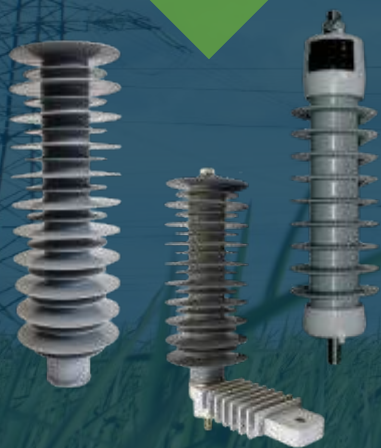
Danh mục sản phẩm

- Sản phẩm chống sét ô-xít kim loại không khe hở Nhãn hiệu hiệu đăng ký bản quyền VARISIL™ của ENSTO chỉ được sản xuất **duy nhất** tại nhà máy của ENSTO đặt tại **Pháp**

Chống sét
cao áp
vỏ silicone



Chống sét
trung áp
vỏ silicon



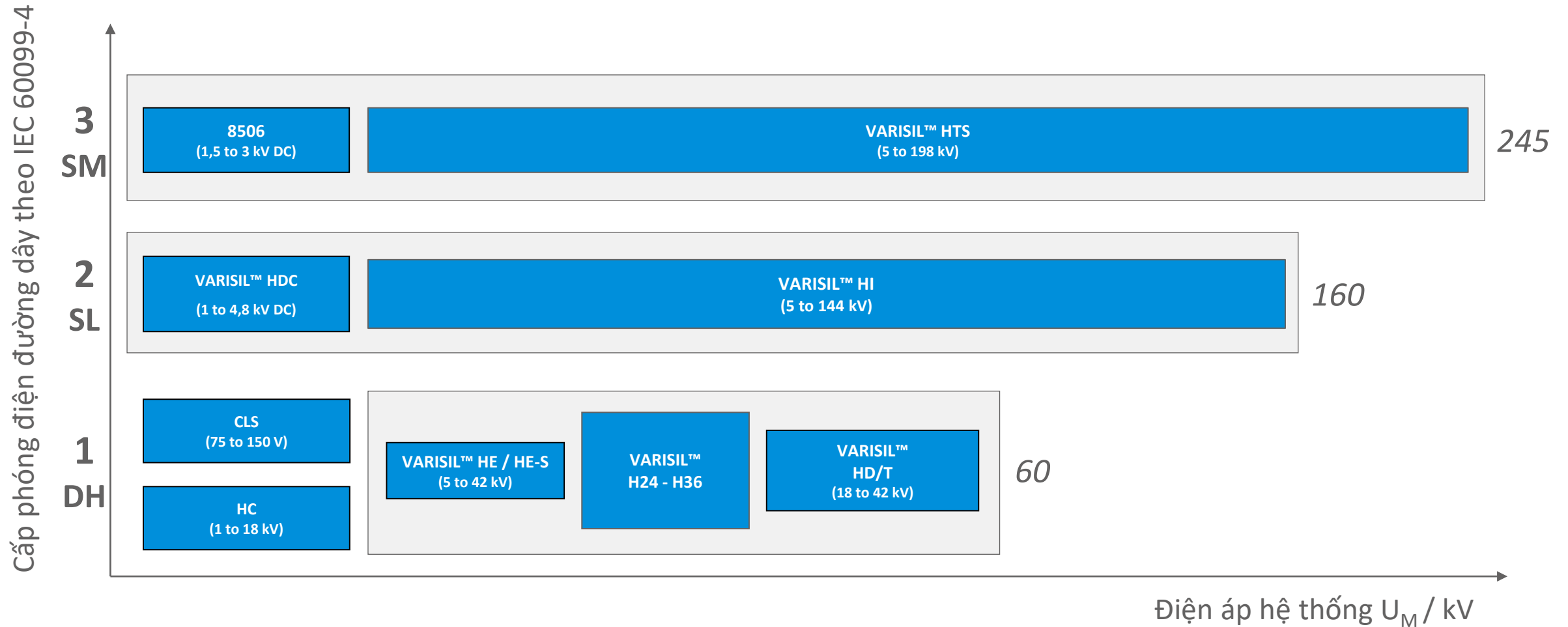
Thiết bị
Hạn chế
điện áp
vỏ cáp



Bảo vệ quá áp
AC & DC
Tàu điện



Danh mục sản phẩm



Phân phối bởi/Distributed by:
www.chongsetdongnam.com

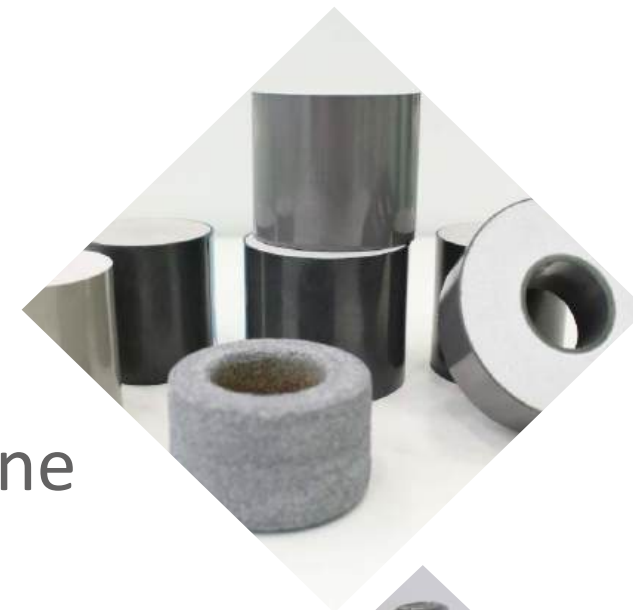
Nhãn hiệu sản phẩm

Công nghệ VARISIL™ H

› Nhãn hiệu: VARISIL ⇨ VARistor + SILicone

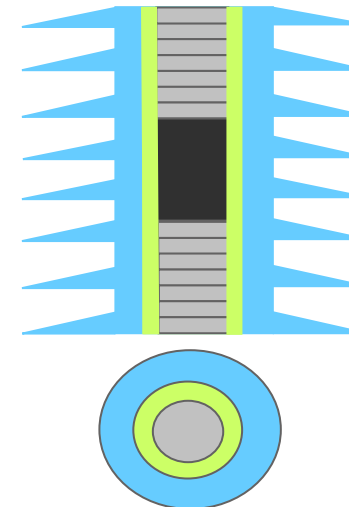
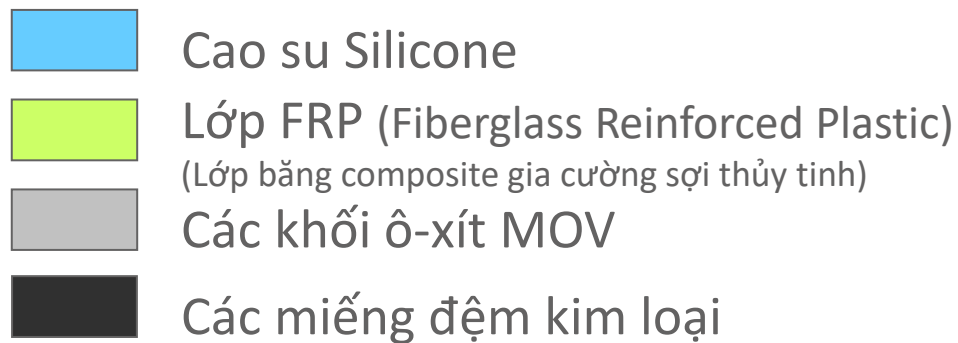
› Dòng sản phẩm: H ⇨ Ô-xít kim loại không khe hở vỏ polymer

› Công nghệ: Solid Core Design (SCD) – Thiết kế lõi rắn

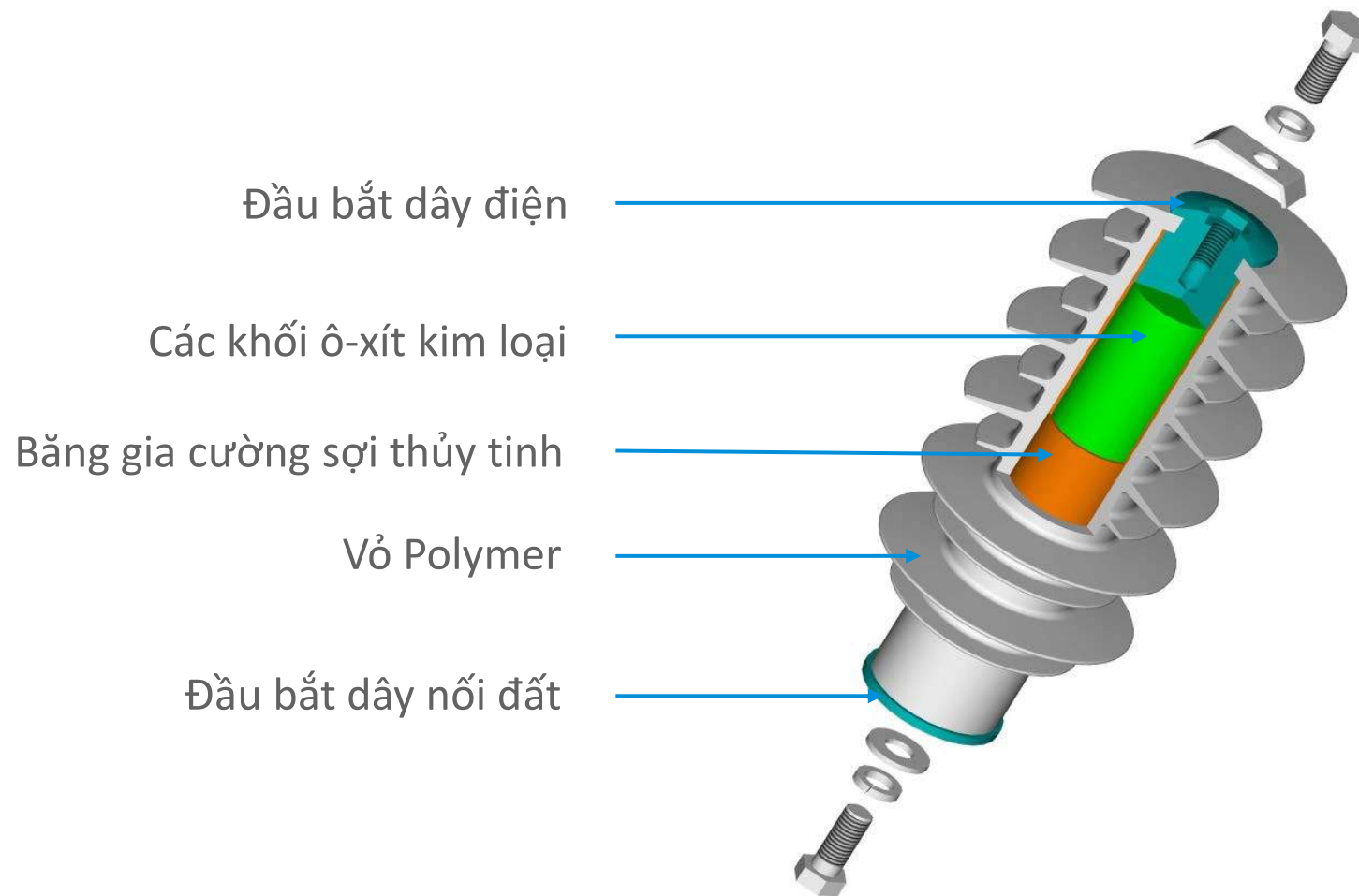


Thiết kế lõi rắn

- Trọng lượng rất nhẹ và lắp đặt nhanh, giảm chi phí lắp đặt
- Phù hợp lắp đặt trong trạm và trên đường dây
- Dễ dàng điều chỉnh khoảng cách phóng điện và chiều dài phóng điện bề mặt nhờ vào thiết kế kiểu mô đun



Thiết kế lõi rắn – Thiết kế điển hình



Phân phối bởi/Distributed by:
www.chongsetdongnam.com

Các dòng sản phẩm cho lưới điện phân phối và truyền tải

Từ 3 kV đến 60 kV



Chống sét vỏ silicone cho lưới điện phân phối

Từ 5 kV đến 245 kV

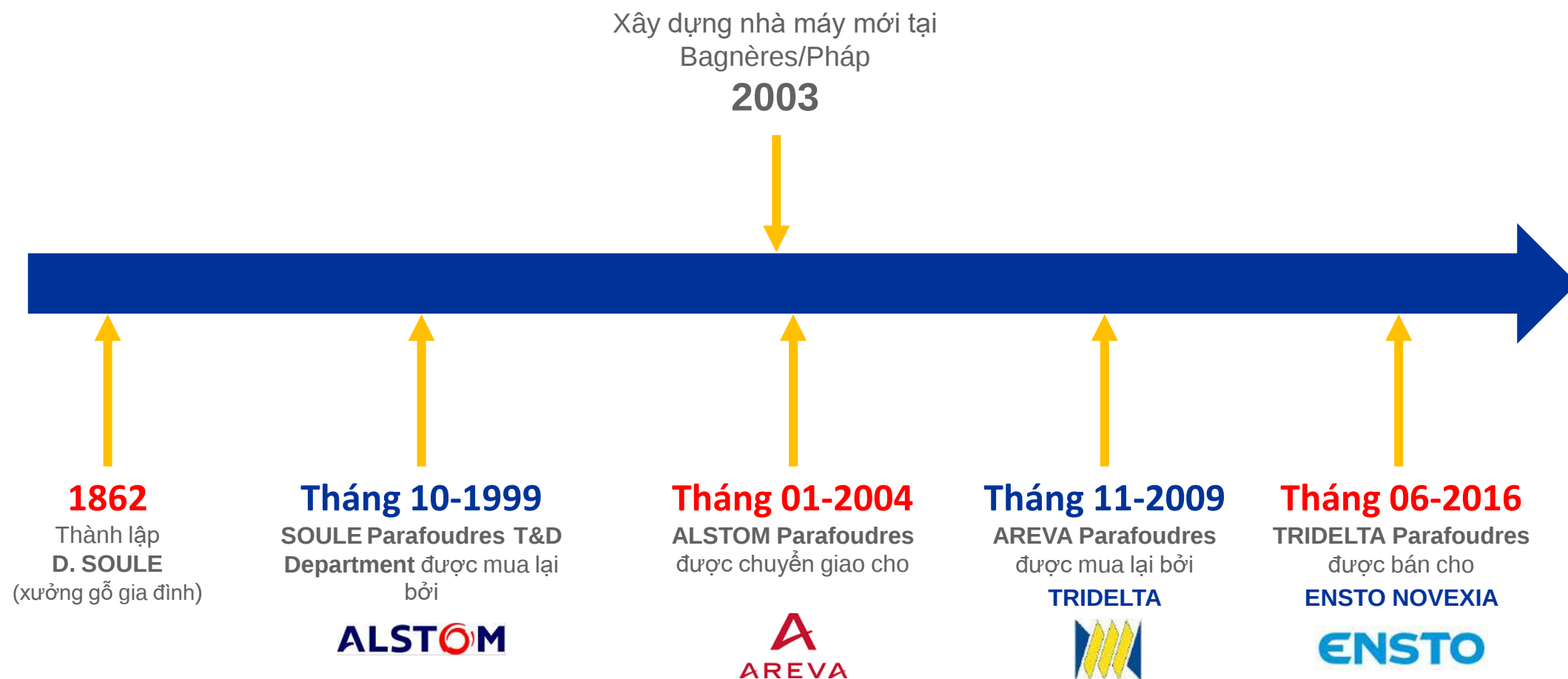


Chống sét vỏ silicone cho trạm

Hướng dẫn nhận diện sản phẩm chính hãng

Better life.
With electricity.

Lịch sử chống sét ENSTO



Dòng sản phẩm chống sét lưới trung áp

– Thiết kế và Chế tạo theo tiêu chuẩn IEC, điện áp đến 36 kV

VARISIL™ HE

- Điện áp định mức từ 3kV đến 36 kV
- Ứng dụng cho lưới điện trung áp
- Vỏ cao su silicone được lưu hóa ở nhiệt độ cao
- 10 kA / LDC 1 = Distribution High (DH)
- Khoảng cách phóng điện bề mặt 31mm/kV
- Khả năng chịu lực cơ học SLL/SSL : 100/125 N.m
- Luôn được cung cấp kèm giá đỡ cách điện tích hợp bộ phận cách ly
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn IEC 60099-4



Phân phối bởi/Distributed by:

www.chongsetdongnam.com

Thông số kỹ thuật cơ bản các loại chống sét ENSTO VARISIL™ HE

Modèle Type	Unité Unit	HE03	HE05	HE06	HE09	HE10	HE12	HE12 /R	HE15	HE18	HE18 /R	HE21	HE24	HE24 /R	HE24 /2R	HE27	HE30	HE33	HE36	HE36 /R
Tension assignée Ur Rated voltage Ur	kV eff kV rms	3.3	5	6	9	10	12	12	15	18	18	21	24	24	24	27	30	33	36	36
Tension de service permanent Uc Continuous operating voltage Uc	kV eff kV rms	2.8	4.25	5.1	7.65	8.4	10.2	10.2	12.7	15.3	15.3	17.5	20	20	20	22.5	25	27.5	30	30
Tensions résiduelles maximales Maximum residual voltages																				
5 kA 8/20	kV crête	9.4	14.3	15.4	26.4	27.5	30.8	30.8	40.7	46.2	46.2	56.1	61.2	61.2	61.2	72.2	76.2	87.2	91.7	91.7
10kA 8/20	kV peak	10.0	15.2	16.4	28.1	29.3	32.8	32.8	43.3	49.1	49.1	59.7	65.1	65.1	65.1	76.8	81.1	92.8	97.5	97.5
20kA 8/20		11.1	16.8	18.1	31.1	32.4	36.2	36.2	47.8	54.3	54.3	66.0	71.9	71.9	71.9	84.9	89.6	102.5	107.5	107.7

Xem thông tin chi tiết về sản phẩm VARISIL™ HE trong catalog sản phẩm gửi kèm

Dòng sản phẩm chống sét lưới trung áp

– Thiết kế và Chế tạo theo tiêu chuẩn IEC, điện áp đến 54 kV

VARISIL™ HE-S → STRONG

- Điện áp định mức đến 54 kV
- Ứng dụng cho lưới điện trung áp
- Vỏ cao su silicone được lưu hóa ở nhiệt độ cao
- 10 kA / LDC 1 = Distribution High (DH)
- Khoảng cách phóng điện bề mặt 31mm/kV
- Khả năng chịu lực cơ học SLL/SSL : 200/250 N.m
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn IEC 60099-4
- Sử dụng thiết kế của dòng HE với gấp ba lớp bằng composite gia cường sợi thủy tinh



Thông số kỹ thuật cơ bản các loại chống sét ENSTO VARISIL™ HE-S

Modèle Type	Unité Unit	HE-S 05	HE-S 06	HE-S 09	HE-S 10	HE-S 12	HE-S 15	HE-S 18	HE-S 21	HE-S 24	HE-S 27
Tension assignée Ur Rated voltage Ur	kV eff kV rms	5	6	9	10	12	15	18	21	24	27
Tension de service permanent Uc Continuous operating voltage Uc	kV eff kV rms	4.25	5.1	7.65	8.4	10.2	12.7	15.3	17.5	20	22.5
Tensions résiduelles maximales Maximum residual voltages											
5 kA 8/20	kV crête	14.3	15.4	26.4	27.5	30.8	40.7	46.2	56.1	61.2	72.2
10 kA 8/20	kV peak	15.2	16.4	28.1	29.3	32.8	43.3	49.1	59.7	65.1	76.8
20 kA 8/20		16.8	18.1	31.1	32.4	36.2	47.8	54.3	66.0	71.9	84.9

Xem thông tin chi tiết về sản phẩm VARISIL™ HE-S trong catalog sản phẩm gửi kèm

Thông số kỹ thuật cơ bản các loại chống sét ENSTO VARISIL™ HE-S (tiếp theo)

Modèle Type	Unité Unit	HE-S 30	HE-S 33	HE-S 36	HE-S 39	HE-S 39/R	HE-S 42	HE-S 42/R	HE-S 45	HE-S 48	HE-S 51	HE-S 54
Tension assignée Ur Rated voltage Ur	kV eff kV rms	30	33	36	39	39	42	42	45	48	51	54
Tension de service permanent Uc Continuous operating voltage Uc	kVeff kV rms	25	27.5	30	32.5	32.5	35	35	37	40	42	44
Tensions résiduelles maximales Maximum residual voltages												
5 kA 8/20	kV crête	76.2	87.2	91.7	102.0	102.0	107.2	107.2	117,3	122,4	132,4	137,4
10 kA 8/20	kV peak	81.1	92.8	97.5	108.5	108.5	114.0	114.0	124,8	130,2	140,8	146,2
20 kA 8/20		89.6	102.5	107.5	119.9	119.9	126.0	126.0	137,9	143,9	155,6	161,1

Xem thông tin chi tiết về sản phẩm VARISIL™ HE-S trong catalog sản phẩm gửi kèm

Nhãn hiệu đăng ký VARISIL™

170 BULLETIN OFFICIEL DE LA PROPRIÉTÉ INDUSTRIELLE BOPI 92/46 NL

AERO-PISTE

N°National : 92 441 638
Dépôt du : 13 NOVEMBRE 1992
à : I.N.P.I.

Produits ou services désignés : Transport de personnes ou de marchandises.
Classes de produits ou services : 39.

SAT.TE, S.A., 28 RUE VINEUSE, 75116 PARIS.
Mandataire ou destinataire de la correspondance :
SAT.TE, Mme Claude RENOUK, PETIT, 28, Rue Vineuse, 75116 PARIS.

CIRCUL-AIR

N°National : 92 441 639
Dépôt du : 13 NOVEMBRE 1992
à : I.N.P.I.

J H B International Trading, SARL, 5 rue Lincoln, 75008 PARIS.
Mandataire ou destinataire de la correspondance :
J H B International Trading SARL, 5 rue LINCOLN, 75008 PARIS.





Marque déposée en couleurs.
Produits ou services désignés : Vins de provenance Française à savoir CHAMPAGNE.
Classes de produits ou services : 33.

N°National : 92 441 640
Dépôt du : 13 NOVEMBRE 1992
à : I.N.P.I.

SOULÉ (S.A.), 33, Avenue du Général Leduc, 65203 BAGNERES-DE-BIGORRE CEDEX, 475 720 124.
Mandataire ou destinataire de la correspondance :
CABINET REGIMBEAU, 26 AVENUE KLEBER, 75116 PARIS.

VARISIL

N°National : 92 441 641
Dépôt du : 13 NOVEMBRE 1992
à : I.N.P.I.

RENAULT BISQUIT, société anonyme, Domaine de Lignières, 16170 ROUILLAC, 905420170.
Mandataire ou destinataire de la correspondance :
PERNOD RICARD Direction Administrative et Juridique, 142 boulevard Haussmann, 75008 PARIS.

RENAULT CARTE D'ARGENT

N°National : 92 441 642
Dépôt du : 13 NOVEMBRE 1992
à : I.N.P.I.

NEW ROSE, Société à Responsabilité Limitée, 25 rue du Général Leduc, 94270 LE KREMLIN BICETRE.
Mandataire ou destinataire de la correspondance :
BOUJOU DERAMBURE (BUGNION) S.A., 55, rue Boissonade, 75014 PARIS.

STRETCHERCASE

Produits ou services désignés : Supports d'enregistrement magnétiques, disques acoustiques, dispositifs de nettoyage pour disques acoustiques, dispositifs pour charger les aiguilles de tourne-disques, amplificateurs, appareils pour l'amplification des sons, antennes, appareils d'enseignement audiovisuel, automates à musique à prépaiement, enregistreurs à bande magnétique, bandes magnétiques, appareils démagneurs de bandes magnétiques, bandes vidéos, boîtiers de hauts-parleurs, caméras, films cinématographiques impressionnés, dessins animés, diaphragmes acoustiques ou photographiques, appareils de projection de diapositives, appareils de projection de films, machines à dicter, tourne-disques, écrans de projection, émetteurs de télécommunication, appareils pour l'enregistrement des sons, films pour l'enregistrement des sons, supports d'enregistrement sonores, enregistreurs à bande magnétique, hauts-parleurs, appareils pour le traitement de l'information, appareils d'intercommunication,

Ensto Novexia có địa chỉ tại 210 rue Léon Jouhaux 69440, Villefranche sur Saône, France khẳng định:

- Ensto Novexia (ĐKKD số 432 056 927, Pháp) là chủ sở hữu nhãn hiệu “VARISIL” (đã được đăng ký số 53689) tại Việt Nam
- Nhãn hiệu VARISIL™ được đăng ký lần đầu tiên bởi SOULÉ SA vào ngày 13/11/1992
- Năm 2000 quyền sở hữu nhãn hiệu VARISIL đã được chuyển sang ALSTOM PARAFODRES (ĐKKD số ° 424 783 645, Pháp)
- Năm 2004 ALSTOM PARAFODRES đổi tên thành AREVA PARAFODRES SA (ĐKKD số 424 783 645, Pháp)
- Năm 2009, AREVA PARAFODRES SA đổi tên thành TRIDELTA PARAFODRES SA (ĐKKD số 424 783 645, Pháp)
- Ngày 16/6/2016, TRIDELTA PARAFODRES SA đổi tên thành ENSTO NOVEXIA PARAFODRES SA (ĐKKD số 424 783 645, Pháp)
- Ngày 01/01/2021, ENSTO NOVEXIA PARAFODRES SA được sáp nhập vào ENSTO NOVEXIA (ĐKKD số 432 056 927, Pháp). Sau sáp nhập công ty có tên ENSTO NOVEXIA (ĐKKD số 432 056 927, Pháp)

Phân phối bởi/Distributed by:
www.chongsetdongnam.com

Nhận diện bao bì và quy cách đóng gói VARISIL™ HE & HE-S

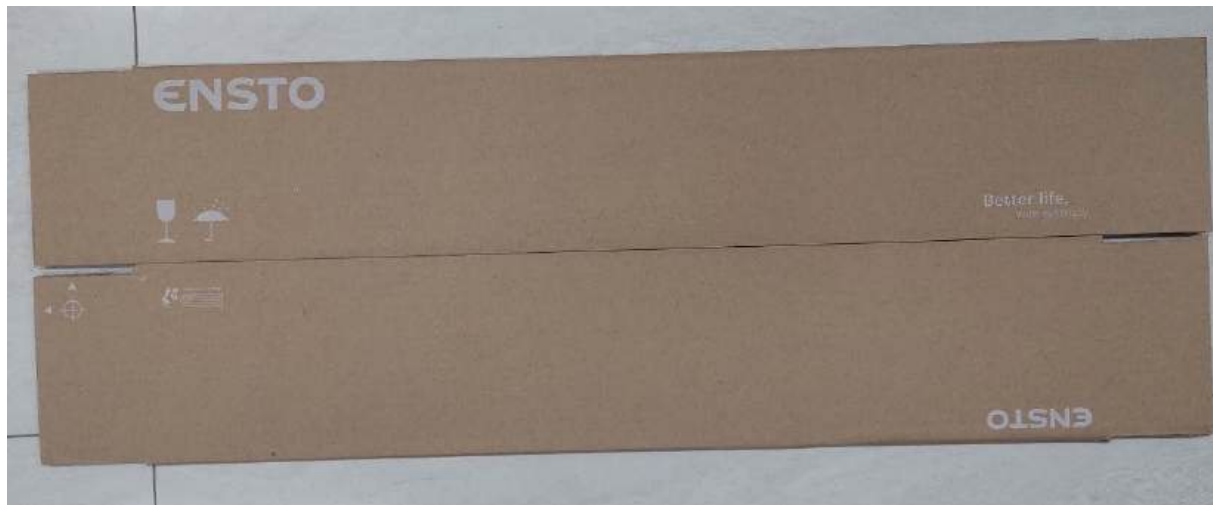


Mỗi quả chống sét được đóng riêng trong hộp carton kèm giá đỡ cách điện S3D2, phụ kiện và hướng dẫn lắp đặt



Vỏ bao bì carton có in tên nhà sản xuất ENSTO, Slogan “**Better life. with Electricity**”
(Trên hình: vỏ VARISIL™ HE-S 24)

Nhận diện bao bì và quy cách đóng gói VARISIL™ HE & HE-S (Tiếp tục)



Vỏ bao bì carton có in tên nhà sản xuất
ENSTO, Slogan “**Better life. With Electricity**”
(Trên hình: vỏ VARISIL™ HE-S 48)



Tem trên vỏ có in các thông tin: Loại SP, mã SP,
Ngày đóng gói, Sản xuất tại Pháp và số điện
thoại hãng sản xuất
(Trên hình: nhãn vỏ VARISIL™ HE-S 24)

Nhận diện bao bì và quy cách đóng gói VARISIL™ HE & HE-S (Tiếp tục)



Tem trên vỏ có in các thông tin: **Loại SP, mã SP, Ngày đóng gói, Sản xuất tại Pháp và số điện thoại hãng sản xuất**
(Trên hình: nhãn vỏ VARISIL™ HE-S 48)

Thành phần bên trong mỗi hộp chống sét VARISIL™ HE/HE-S



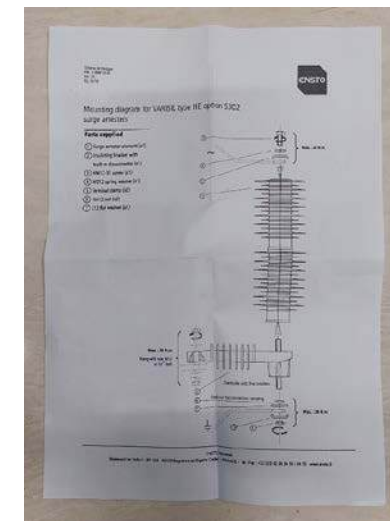
01 thiết bị chống sét
(Trên hình: VARISIL™ HE-S 24
& VARISIL™ HE-S 48)



01 giá đỡ cách điện tích
hợp bộ phận cách ly S3D2
(Như trên hình)



01 bộ phụ kiện bắt/kẹp
dây pha và dây nối đất
(Như trên hình)

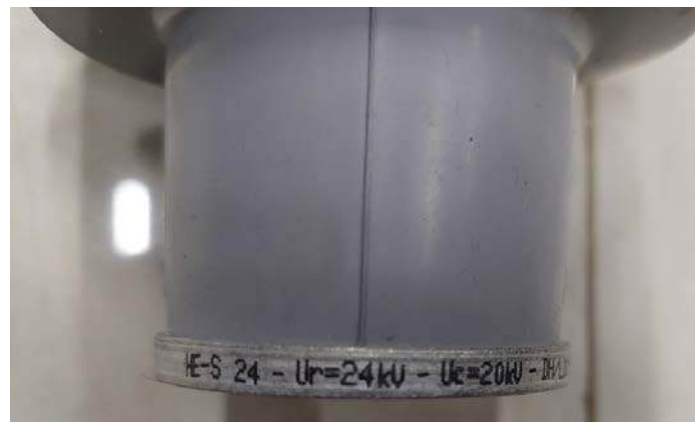


01 bản hướng dẫn lắp đặt
(Như trên hình)

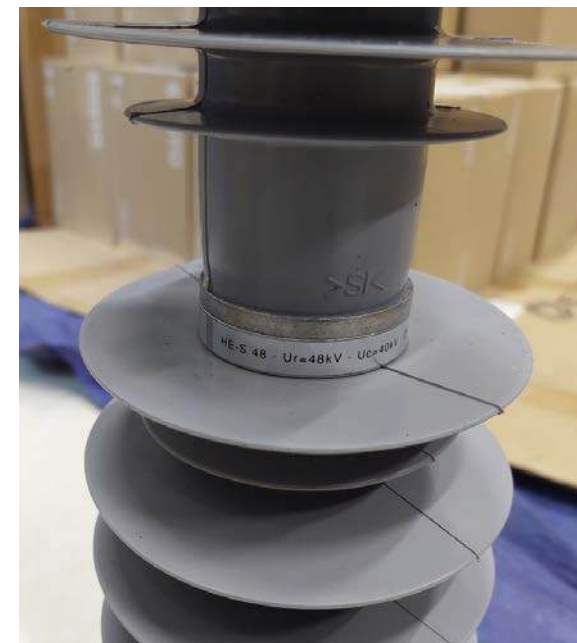
Thông tin trên mỗi quả chống sét VARISIL™ HE & HE-S



Thông tin dập chìm trên đỉnh
đầu bắt dây pha: **ENSTO,**
VARISIL HE hoặc HE-S,
In=10kA
(như trên hình)



Thông tin in phun mực đen trên viền đầu
bắt dây tiếp đất (với loại có $Ur \leq 42kV$):
Mã SP (vd: HE-S 24), $Ur=...$, $Uc=...$, Class
(vd: DH/LDC1), Made in France,
 $Qrs=0.5C$, $Is=20kA$, $f=50/60Hz$, Ngày SX
(vd: 1F 02/11/22)
(Xem hình minh họa trên)



Thông tin in phun mực đen trên phần
giữa thân (với loại có $Ur > 42kV$): **Mã SP**
(vd: HE-S 48), $Ur=...$, $Uc=...$, Class (vd:
DH/LDC1), Made in France, $Qrs=0.5C$,
 $Is=20kA$, $f=50/60Hz$, Ngày SX
(Xem hình minh họa trên)

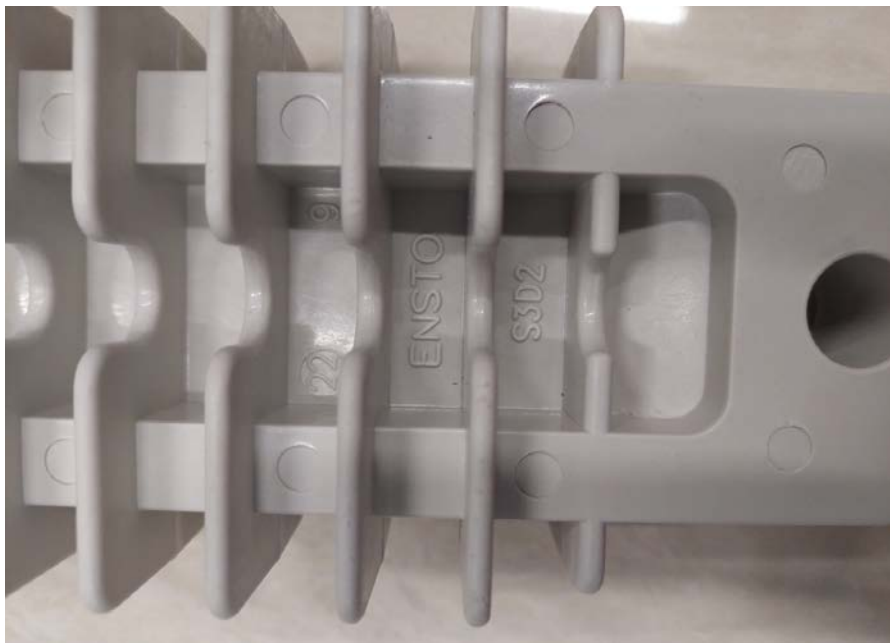
Giá đỡ cách điện S3D2

- › Sử dụng cho chống sét VARISIL™ HE/HE-S lưới phân phối
- › Tự động cách ly đầu bắt dây nối đất của chống sét hỏng với dây tiếp đất (đồng thời cho phép phân biệt chống sét hỏng bằng mắt)
- › Độ nhạy 20 A / 0.5 s
- › Ưu tiên hoạt động liên tục của lưới điện
- › Không phải thiết bị cắt ngắn mạch



Đầu bắt dây tiếp đất sẽ tách ra khi chống sét bị hỏng

Thông tin trên giá đỡ cách điện S3D2



Thông tin dập nổi trên mặt dưới giá đỡ:
ENSTO, S3D2
(như trên hình)



Thông tin dập nổi trên mặt trên giá đỡ
phía bắt vào thiết bị chống sét:
TOP MAX 20 N.m
(như trên hình)

Thông tin trên giá đỡ cách điện S3D2 (Tiếp tục)



Thông tin dập nổi trên mặt trên giá đỡ phía bắt vào xà:
FIXING END, MAX 20 N.m
(như trên hình)

Dòng sản phẩm chống sét lưới cao áp

– Thiết kế và Chế tạo theo tiêu chuẩn IEC, điện áp từ 5kV đến 170 kV

VARISIL™ HI

- Cho các hệ thống có điện áp đến 170kV
- Vỏ cao su silicone được lưu hóa ở nhiệt độ cao
- 10 kA / LDC 2 = Station Low (SL)
- Dòng điện trong thời gian dài : 500 A / 2000 μ s
- Chịu dòng ngắn mạch : 63 kA / 0.2 s
- Chiều dài phóng điện bề mặt ≥ 25 mm/kV
- Khả năng chịu lực cơ học SLL/SSL : 800/1000 N.m
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn IEC 60099-4

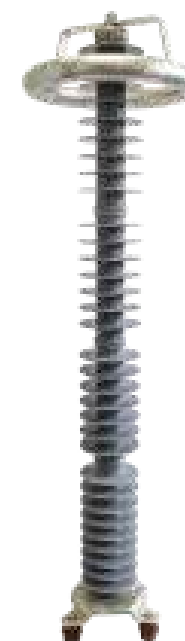


Dòng sản phẩm chống sét lưới cao áp

– Thiết kế và Chế tạo theo tiêu chuẩn IEC, điện áp từ 5kV đến 245 kV

VARISIL™ HTS

- Cho các hệ thống có điện áp đến 245 kV (**198 kV Un**)
- Vỏ cao su silicone được lưu hóa ở nhiệt độ cao
- 10 kA / LDC 3 = Station Medium (SM)
- Dòng điện trong thời gian dài : 800 A / 2000 μ s
- Chịu dòng ngắn mạch : 63 kA / 0.2 s
- Chiều dài phóng điện bề mặt ≥ 25 mm/kV
- Khả năng chịu lực cơ học SLL/SSL : 800/1000 N.m
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn IEC 60099-4



Phụ kiện chống sét lưới điện cao áp- MDC-3: Đếm sét và đo dòng dò

- › Chủ yếu được lắp đặt với chống sét trạm
- › Đếm số lần xung dòng điện đi qua chống sét
- › Độ nhạy : 100 A 8/20
- › Đồng hồ đo dòng dò cho biết tình trạng của chống sét



Bộ đếm sét kiểu cơ học (6 số)

Tích hợp đồng hồ đo dòng
(thang %)

Nhà phân phối & Chứng từ giao hàng

Better life.
With electricity.

Chứng từ kèm theo hàng hóa

The image shows a multi-section document. The top section is a header with fields for 'Expéditeur' (ENSTO NOVELIA SAS) and 'N°' (2023_03_15_9590890). Below this is a large 'ENSTO' logo and the text 'CERTIFICAT DE CONFORMITE ET QUALITE / CERTIFICATE OF CONFORMITY AND QUALITY 1 (2)'. The main body contains 'Subject: Contract 151-SA/ENSTO-MPT VN' and 'O/REF: A161015'. A section titled 'CERTIFICATE OF WARRANTY' states that the warranty period is 12 months after commissioning or 18 months from the shipment date. The bottom section includes the ENSTO logo, address (65200 Bagnères de Bigorre), contact information, and a signature of Laurence PUIGMAL. On the left margin, there are additional fields for 'Destinataire' (MPT VN CO) and 'Informations de transport'.

Sản phẩm chống sét ENSTO VARISIL™ HE & HE-S được MPT Việt Nam cung cấp kèm theo các chứng từ sau:

- 01 bản gốc Hóa đơn GTGT theo quy định của BTC
- 01 bản sao/bản sao công chứng hoặc bản sao gốc chứng nhận xuất xứ hàng hóa do phòng thương mại Pháp phát hành (*tùy theo yêu cầu của KH*)
- 01* bản sao/sao y chứng nhận chất lượng hàng hóa do ENSTO Novexia SAS/Pháp cấp
- 01* bản sao/sao y chứng nhận bảo hành hàng hóa do ENSTO Novexia SAS/Pháp cấp và hoặc 01* bản gốc chứng nhận bảo hành của MPT VN
- 01* bản sao/sao y biên bản thử nghiệm xuất xưởng của ENSTO

(*) Số lượng bản chứng từ được cung cấp theo yêu cầu của khách hàng

Mẫu chứng từ do ENSTO cấp

1. Expéditeur (nom, adresse, pays) - Consignor - Expéditeur ENSTO NOVEVIA SAS Boulevard de l'Adour 65200 BAGNERES DE BIGORRE France / France		N° 2023_03_15_9590890 ORIGINAL
2. Destinataire (nom, adresse, pays) - Consignee - Destinataire MPT VN CO., LTD. LEVEL 1, N°8.19, KHAI SON TOWN, LY SON STREET, LONG BIEN DIST. HANOI Viet Nam / Vietnam		COMMUNAUTÉ EUROPÉENNE EUROPEAN COMMUNITY COMUNIDAD EUROPEA الجمهورية الأوروبية 欧洲共同体 ЕВРОПЕЙСКОЕ СОЮЗСТВО CERTIFICAT D'ORIGINE CERTIFICATE OF ORIGIN CERTIFICADO DE ORIGEN شهادة منشأ 原产地证书 СЕРТИФИКАТ О ПРОИСХОЖДЕНИИ ТОВАРА
3. Pays d'origine - Country of origin - País de origen UNION EUROPÉENNE-France / EUROPEAN UNION-France		5. Remarques - Remarks - Observaciones 備註 注意 注意 注意 注意
4. Informations relatives au transport (mention facultative) - Transport details - Expedición (Vid transportista y naturaleza de mercancía (caso de mercancía especial))		7. Quantité - Quantity - Cantidad 数量 数量 数量
6. N° d'ordre - marques, numéros, nombre et nature des colis - Désignation des marchandises Item number / marks, numbers, number and kind of packages / description of goods N° de orden / marcas, números, número y naturaleza de los bultos / designación de las mercancías 顺序 / 唛头 / 包装件数量 / 性质 / 商品名称 Порядковый номер / маркировка / количество / вид / наименование		1. PALLET SAID TO CONTAIN VARISIL SURGE ARRESTER HI 15 TF/TF *****
8. L'autorité soussignée certifie que les marchandises désignées ci-dessus sont originaires du pays figurant dans la case N°3 THE UNDERSIGNED AUTHORITY CERTIFIES THAT THE GOODS DESCRIBED ABOVE ORIGINATE IN THE COUNTRY SHOWN IN BOX 3 LA AUTORIDAD INSCRITA CERTIFICA QUE LAS MERCANCIAS DENOMINADAS SON ORIGINARIAS DEL PAÍS INDICADO EN LA CASILLA N°3 本署特此证明上述商品原产于第3栏内所填写的国家 Подписанный ниже должностной орган удостоверяет, что вышеперечисленные товары происходят из страны, указанной в графе N°3		31 kg gross weight 6 piece(s) *****
CO Verification: https://certificates.iccwbo.org N° de sécurité - Security number FRT62WOLXSJQX5		
FERRAND Fatiene 17.03.2023 Lieu et date de délivrance - designation, signature et cachet de l'autorité compétente Place and date of issuance / name, signature and stamp of competent authority Lugar y fecha de expedición / designación, firma y sello de la autoridad competente Место и дата выдачи / наименование, подпись и печать компетентного органа		

ENSTO

CERTIFICAT DE CONFORMITE ET QUALITE
 CERTIFICATE OF CONFORMITY AND QUALITY
 1 (2)

ENSTO NOVEVIA SAS 210 RUE LEON JOUHAUX-BP 10446 69656 VILLEFRANCHE SUR SAONE- France Usine : BOULEVARD DE L'ADOUR 65200 Bagnères de Bigorre-France		N° du Certificat : Certificate N° : 20230320 1
Fournisseur : Supplier :		Nombre de feuilles : Number of sheets :
MPT VN CO, LTD. Level 1, N° 8.19, Khai Son Town Ly Son Street, Long Bien Distr., HANOI VIETNAM		N° de la commande ou du marché : Order or contract N° : 151-SA/ENSTO-MPTVN
Client : Customer :		N° de l'accusé de réception (AR) : Acknowledgement of order N° : A161015
RENSEIGNEMENTS PARTICULIERS AUX FOURNITURES LIVREES PARTICULARS OF SUPPLIED EQUIPMENT		
Désignation Designation	Référence ou Type Reference or Type	Quantité Quantity
N° de Série ou Lot Serial or Batch N°	Autres renseignements notamment la réf des dérogations accordées Additional information Or derogation granted if any	
VARISIL SURGE ARRESTERS HI 15 TF/TF	NXV700002	8

ENSTO

TO WHOM IT MAY CONCERNS

Subject: Contract 151-SA/ENSTO-MPT VN

O/REF: A161015

CERTIFICATE OF WARRANTY

We, ENSTO NOVEVIA SAS, located in France – 65200 Bagnères de Bigorre, Boulevard de l'Adour, certify that the warranty period of the ordered material is 12 months after commissioning or 18 months from the shipment date, whichever period concludes earlier.

This warranty only covers the ex-works value of the material. It is valid for material in accordance with our instructions for assembling, installation and storage.

Bagnères de Bigorre March 20th, 2023

ENSTO
 Ensto Novexia - Site de Bagnères de Bigorre
 Boulevard de l'Adour
 65200 Bagnères de Bigorre - France
 Tel: +33 (0)5 62 95 84 62 • Fax: +33 (0)5 62 95 84 62
 140 rue de la Poste 91431 Paris Cedex 13 France 912 066 927
 Fax: +33 (0)5 62 95 84 62

Laurence PUIGMAL

Ensto Novexia SAS
 Siège social :
 210 rue Léon Jouhaux BP 10446
 69656 Villefranche-sur-Saône Cedex,
 France
 Tel: +33 (0)5 74 85 61 62
 Fax: +33 (0)5 74 85 61 62
 Email: novexia@ensto.com

Entretien :
 Boulevard de l'Adour
 65200 Bagnères de Bigorre,
 France
 Tel: +33 (0)5 62 95 84 62
 Fax: +33 (0)5 62 95 84 62
 Email: novexia@ensto.com

SAS au capital de 9 641 515 €
 RCS Villefranche-Touraine B 432 056 927
 Locataire gérant du fonds de
 commerce RCS Paris 424 703 645
 Code APE (NAP) 2712Z
 TVA CEE : FR 694 120 56 927
 www.ensto.com

Better life.
 With electricity.

Mẫu CO do phòng TM & CN Pháp cấp

Mẫu CQ do Ensto Novexia SAS/Pháp cấp

Mẫu CW do Ensto Novexia SAS/Pháp cấp

Mẫu chứng từ do ENSTO cấp (tiếp theo)

1. Expéditeur (nom, adresse, pays) / Consignor / Expéditeur ENSTO NOVEZIA SAS Boulevard de l'Adour 65200 BAGNERES DE BIGORRE France / France		N° 2023_03_15_9590890	COPIE
2. Destinataire (nom, adresse, pays) / Consignee / Destinataro MPT VN CO, LTD LEVEL 1, N°8.19, KHAI SON TOWN, LY SON STREET, LONG BIEN DIST. HANOI Viet Nam / Vietnam		COMMUNAUTÉ EUROPÉENNE / EUROPEAN COMMUNITY / COMUNIDAD EUROPEA ЕВРОПЕЙСКОЕ СООБЩЕСТВО / 欧洲共同体 CERTIFICAT D'ORIGINE / CERTIFICATE OF ORIGIN / CERTIFICADO DE ORIGEN / شهادة المنشأ / 原产地证明 / СЕРТИФИКАТ О ПРОИСХОЖДЕНИИ ТОВАРА	
4. Informations relatives au transport (mention facultative) / Transport details / Expédition / ملاحظات / 运输情况 Вид транспорта и маршрут следования (насколько это известно)		3. Pays d'origine / Country of origin / País de origen / بلد المنشأ / Страна происхождения UNION EUROPÉENNE-France / EUROPEAN UNION-France	
6. N° d'ordre ; marques, numéros, nombre et nature des colis ; désignation des marchandises / Item number ; marks, numbers, number and kind of packages ; description of goods N° de orden ; marcas, números, nombre y naturaleza de los bultos ; designación de las mercancías مواصفات البضاعة : رقم التغليف, العلامة, رقم البضاعة, عدد و طبيعة الطرود 序号 : 商标 : 号码 : 包装件数量及性质 : 商品种类 : Порядковый номер, маркировочные знаки, нумерация, количество мест и вид упаковки; описание товара		7. Quantité / Quantity / Cantidad / الكمية / 数量 31 kg gross weight 6 piece(s)	
1. PALLET SAID TO CONTAIN VARISIL SURGE ARRESTER HI 15 TF/TF			
8. L'autorité soussignée certifie que les marchandises désignées ci-dessus sont originaires du pays figurant dans le case N°3 / THE UNDERSIGNED AUTHORITY CERTIFIES THAT THE GOODS DESCRIBED ABOVE ORIGINATE IN THE COUNTRY SHOWN IN BOX 3 / LA AUTORIDAD INFRASCRITA CERTIFICA QUE LAS MERCANCIAS DESIGNADAS SON ORIGINARIAS DEL PAIS INDICADO EN LA CASILLA N°3 تشهد السلطة الموقعة أدناه أن البضائع المذكورة أعلاه مصدرها البلاد المذكورة في الخانة رقم 签发该证书当局证实上述商品原产于第3栏内所证明的国家 Подписанный удостоверяет, что вышеперечисленные товары происходят из страны, указанной в графе N° 3 CO Verification: https://certificates.iccwbo.org N° de sécurité / Security number: FR74GWOLXS2QXS			
Lieu et date de délivrance ; désignation, signature et cachet de l'autorité compétente Place and date of issue ; name, signature and stamp of competent authority Lugar y fecha de expedición ; designación, firma y sello de la autoridad competente Место и дата выдачи : наименование, подпись и печать уполномоченного органа		ICC CERTIFICATE OF ORIGIN Number Code : 170215	
Reproduction interdite Réf. 30012 www.gmphenix.com		N° 5005588	

ENSTO



TEST CERTIFICATE for VARISIL Type HI 10 kA / Line Discharge Class 2 Surge Arresters

Customer : MPT VN CO LTD - Vietnam
Order ref. : 151-SA/ENSTO-MPTVN Dated : 03/03/2023

ENSTO File no. : A161015
Type : HI 15 Earth option : TF Line option : TF
Quantity : 6 Serial nos : 03/23 2332 to 2337

Reference Standard : IEC 60099-4

1/ Visual inspection and constructive features : ☒ OK
According to overall drawing ref. W 8992 01 X1

2/ Power frequency reference voltage at 1 mA peak : ☒ OK
Guaranteed minimum value = 14,0 kV peak/V2
Measured minimum value = 14,8 kV peak/V2

3/ Lightning residual voltage at 10 kA with 8/20 waveshape : ☒ OK
Guaranteed maximum value = 40,8 kV peak
Checked maximum value = 39,5 kV peak

4/ Absence from partial discharge and contact noise : ☒ OK

5/ Quantity supplied = 6 pieces ☒ OK

CONCLUSION : Checks & Test Results = ☒ POSITIVE

Date : 20/03/2023

Name : F. MALPIECE
R&D Manager

ENSTO
ENSTO NOVEZIA SAS de Bagneres de Bigorre
Boulevard de l'Adour
65200 Bagneres de Bigorre, France
Tél : +33 (0) 5 62 50 50 00 Fax : +33 (0) 5 62 50 50 01
SAS au capital de 8 143 115 € RCS Nanterre 950 000 000 APE 2811Z
TVA n° FR 215 844 329 545 027

Affaire A161015 - HI 15_TF.xls

English Version

Mẫu CO bản sao gốc do phòng TM & CN Pháp cấp

Mẫu Biên bản thí nghiệm xuất xưởng

Phân phối bởi/Distributed by:
www.chongsetdongnam.com



ENSTO

Better life.
With electricity.

Phân phối bởi/Distributed by:
www.chongsetdongnam.com